TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Bùi Phước Hòa.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tp TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 551 đường BL, khu phố NT1, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 551 đường BL, khu phố NT1, phường NS, tp TN, tỉnh TN theo giấy ủy quyền chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường NS, tp TN, tỉnh TN chứng thực số: 1143, quyển số: 06 SCT/CK-ĐC ngày 22 tháng 7 năm 2022.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN.

Bà L có mặt; chị H vắng mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2022, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị H có tham gia hụi của bà Nguyễn Thị H làm chủ thảo. Sau khi bà H bị kết án 16 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TN và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 433/2022/HSPT-QĐ ngày 24-6-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị H số tiền 55.300.000 đồng. Số tiền hụi còn lại chị H yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả 113.700.000 đồng.

Tại Tòa, bà L rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền hụi gốc 72.100.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà H trình bày:

Bà H thừa nhận có nói chuyện với chị H qua điện thoại, việc trao đổi qua điện thoại là đúng giọng của bà H. Bà H khai đã đăng hụi cho chị H xong. Chị H khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 113.700.000 đồng, bà H không đồng ý vì bà đã đăng hụi cho chị H xong nhưng bà không nhớ đăng khi nào, số tiền bao nhiêu, đăng tại đâu và không có giấy đăng hụi.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền 72.100.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 229 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 113.700.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 274 đường BL, khu phố NT, phường NS, tp TN, tỉnh TN nên căn cứ khoản 1

Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét thấy, tại phiên Tòa, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi hụi 41.600.000 (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn) đồng và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi gốc còn nợ 72.100.000 đồng thấy rằng:

Chị H cung cấp sổ hụi và 01 tờ giấy lịch có ghi thông tin về hụi do chính bà H viết ra, file ghi âm điện thoại trao đổi với bà H được bà H xác định là giọng nói của bà H, nói về hụi 5.000.000 đồng, đóng được 17 kỳ. Như vậy, việc tham gia hụi của chị H là có thật, có nộp các kỳ hụi như lời trình bày của chị H.

Mặt khác, bà H khai, khi đăng hụi bà H không ghi ra giấy hụi, không nhớ đang bao nhiêu người chơi, bao nhiêu tiền, không nhớ thời gian và địa điểm đăng hụi.

Đoạn ghi âm bà H thừa nhận của bà nói qua điện thoại với chị H, có hứa bán tài sản để trả nợ, có hứa 01 tháng sau đăng hụi, chứng minh bà H khai đăng hụi cho chị H là không có thật.

[5] Cách tính hụi gốc như sau: Dây hụi ngày 17 lần hụi gốc= 134.400.000 đồng (dây hụi 15-2-2019) + 4.000.000 đồng (của dây hụi ngày 15-5-2020) – 11.000.000 đồng (11 lần hụi chết của dây hụi 1.000.000 đồng)- 55.300.000 đồng (bản án hình sự số: 22/2022/HSST ngày 08-4-2022)= 72.100.000 đồng.

Từ các nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H yêu cầu bà H thanh toán (trả) số tiền nợ hụi 72.100.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

[6] Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán (trả) cho chị Huỳnh Thị Kim H số tiền 72.100.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Huỳnh Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.605.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 4 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim H đối với bà Nguyễn Thị H về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Huỳnh Thị Kim H số tiền nợ hụi gốc là 72.100.000 (Bảy mươi hai triệu một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim H đối với số tiền lãi hụi 41.600.000 (Bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Chị Huỳnh Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí 2.842.500 (Hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai số 0001223 ngày 25-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN.

3.2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.605.000 (Ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.